

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 100/2026/KDTM-ST
Ngày: 24 - 8 - 2026
V/v Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Càn;
- Ông Đồng Thanh Bình.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trí Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 23/2026/TLST-KDTM ngày 20 tháng 01 năm 2026 về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hoá”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2026/QĐXXST-KDTM ngày 20 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 80/2026/QĐST-KDTM ngày 06 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên suất ăn công nghiệp VBP; Mã số doanh nghiệp: 370285xxxx; địa chỉ trụ sở: Thửa đất số 786, tờ bản đồ số 1x, tổ 2x, khu phố x, phường BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Văn T, sinh năm 1986, CCCD số 04208600xxxx; thường trú: 148/x LĐTh, phường ANh, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Phạm Thế Th, sinh năm 1999, CCCD số 07709900xxxx; thường trú: 32F Ng Th Th, phường T Th H, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền ngày 10/12/2025); ông Th có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH nội thất T Th; Mã số doanh nghiệp: 370304xxxx; địa chỉ trụ sở: Thửa đất số 07 - 08 - 09- 10 - 11 - 12, tờ bản đồ số x, đường Hội Nghĩa x, tổ x, khu phố x, phường BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th; chức danh: Giám đốc; là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Thế Thức trình bày:

Công ty TNHH MTV suất ăn công nghiệp VBP (Sau đây gọi tắt là Công ty VBP) và Công ty TNHH nội thất T Th (Sau đây gọi tắt là Công ty T Th) có thỏa thuận với nhau về việc cung cấp suất ăn công nghiệp. Theo đó, Công ty VBP cung cấp suất cơm cho Công ty T Th với giá là 20.000 đồng/suất, giá này chưa bao gồm thuế VAT cho Công ty T Th. Về phương thức thanh toán, hàng tháng Công ty T Th phải thanh toán cho Công ty VBP số tiền cơm và thuế VAT tương ứng với bảng công nợ mà Công ty VBP đã lập cho Công ty T Th. Thực hiện đúng theo thỏa thuận, đối với các suất ăn Công ty VBP cung cấp cho Công ty T Th từ 01/8/2024 đến 31/01/2025 với số tiền 85.560.000 đồng (*Tám mươi lăm triệu năm trăm sáu mươi nghìn đồng*) thì Công ty T Th đã thanh toán đầy đủ. Từ 01/02/2025 đến 14/6/2025 Công ty T Th nợ Công ty VBP là 100.504.200 đồng (*Một trăm triệu năm trăm lẻ bốn nghìn hai trăm đồng*) theo các hóa đơn giá trị gia tăng số: 00000016 ngày 28/02/2025 số tiền 63.072.000 đồng; số 00000030 ngày 31/3/2025 số tiền 14.536.800 đồng; số 00000040 ngày 29/4/2025 số tiền 8.661.600 đồng; số 00000052 ngày 31/5/2025 số tiền 8.359.200 đồng và số 00000062 ngày 28/6/2025 số tiền 5.875.200 đồng (đã bao gồm VAT). Công ty VBP đã thực hiện đối chiếu công nợ và đã gửi cho Công ty T Th nhưng Công ty T Th chỉ thanh toán 20.000.000 đồng vào ngày 03/3/2025 và ngày 17/5/2026 thanh toán 17.000.000 đồng, còn lại số tiền 63.504.200 đồng chưa thanh toán. Mặc dù Công ty VBP nhiều lần liên hệ yêu cầu Công ty T Th trả số tiền chưa thanh toán nhưng Công ty T Th không thanh toán, vì vậy Công ty VBP khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty T Th phải trả cho Công ty VBP số tiền còn nợ là 63.504.200 đồng (*Sáu mươi ba triệu năm trăm lẻ bốn nghìn hai trăm đồng*).

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn Công ty TNHH nội thất T Th theo đúng quy định của pháp luật nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH nội thất T Th không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Từ tháng 02/2025 đến tháng 6/2025, Công ty VPB có cung cấp suất ăn công nghiệp cho Công ty T Th với tổng số tiền 100.504.200 đồng (*Một trăm triệu năm trăm lẻ bốn nghìn hai trăm đồng*) theo các hóa đơn giá trị gia tăng số: 00000016 ngày 28/02/2025 số tiền 63.072.000 đồng; số 00000030 ngày 31/3/2025 số tiền 14.536.800 đồng; số 00000040 ngày 29/4/2025 số tiền 8.661.600 đồng; số 00000052 ngày 31/5/2025 số tiền 8.359.200 đồng và số 00000062 ngày 28/6/2025 số tiền 5.875.200 đồng (đã bao gồm VAT). Ngày 03/3/2025 Công ty T Th thanh toán 20.000.000 đồng và ngày 17/5/2026 thanh toán 17.000.000 đồng, còn lại số tiền 63.504.200 đồng chưa thanh toán. Do đó, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty TNHH nội thất T Th thanh toán số tiền còn thiếu 63.504.200 đồng cho Công ty TNHH MTV suất ăn công nghiệp VBP.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Công ty TNHH MTV suất ăn công nghiệp VBP khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH nội thất T Th thanh toán số tiền còn nợ liên quan đến việc cung cấp suất ăn công nghiệp. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Công ty TNHH nội thất T Th có trụ sở hoạt động tại phường BC, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 17-Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Quá trình tố tụng, Tòa án đã thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, nhưng người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH nội thất T Th không đến Tòa án, cũng không nộp văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Xét thấy, người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt tất cả các lần Tòa án thông báo, triệu tập là vi phạm nghĩa vụ của đương sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

[1.3] Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn Công ty TNHH nội thất T Th đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Công ty TNHH MTV suất ăn công nghiệp VBP khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH nội thất T Th phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV suất ăn công nghiệp VBP số tiền còn thiếu 63.504.200 đồng (*Sáu mươi ba triệu năm trăm lẻ bốn nghìn hai trăm đồng*), Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Vào ngày 30/6/2026 Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự để các bên tiếp cận chứng cứ do nguyên đơn giao nộp và chứng cứ do Tòa án thu thập được. Tuy nhiên, tại phiên họp và hòa giải bị đơn vắng mặt không có lý do.

[2.2] Xét chứng cứ do một bên đương sự là nguyên đơn cung cấp thì thấy rằng: Vào năm 2025, Công ty TNHH MTV suất ăn công nghiệp VBP có cung cấp suất ăn công nghiệp cho Công ty TNHH nội thất T Th, từ tháng 02/2025 đến tháng 6/2025, Công ty VBP có cung cấp suất ăn công nghiệp cho Công ty TNHH MTV suất ăn công nghiệp VBP với tổng số tiền 100.504.200 đồng (*Một trăm triệu năm trăm lẻ bốn nghìn hai trăm đồng*) theo các hóa đơn giá trị gia tăng số: 00000016 ngày 28/02/2025 số tiền 63.072.000 đồng; số 00000030 ngày 31/3/2025 số tiền 14.536.800 đồng; số 00000040 ngày 29/4/2025 số tiền 8.661.600 đồng; số 00000052 ngày 31/5/2025 số tiền 8.359.200 đồng và số 00000062 ngày 28/6/2025 số tiền 5.875.200 đồng (đã bao gồm VAT). Ngày 03/3/2025 Công ty T Th thanh toán 20.000.000 đồng và ngày 17/5/2026 thanh toán 17.000.000 đồng nên có căn cứ xác định Công ty TNHH MTV suất ăn công nghiệp VBP đã cung cấp suất ăn công nghiệp cho Công ty TNHH nội thất T Th theo các hóa đơn trên. Như vậy, bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho

nguyên đơn là trái quy định tại Điều 50, Điều 55 Luật Thương mại. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 63.504.200 đồng là có cơ sở, phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án.

[3] Xét, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 30, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 24, 50, 55 và Điều 319 của Luật thương mại;

- Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lỗi, lỗi suất, phạt vi phạm;

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV suất ăn công nghiệp VBP đối với bị đơn Công ty TNHH nội thất T Th về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”;

Buộc Công ty TNHH nội thất T Th phải thanh toán cho Công ty TNHH MTV suất ăn công nghiệp VBP tổng số tiền 63.504.200 đồng (*Sáu mươi ba triệu năm trăm lẻ bốn nghìn hai trăm đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357

và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

2. Về án phí:

2.1. Công ty TNHH MTV suất ăn công nghiệp VBP không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; trả lại Công ty TNHH MTV suất ăn công nghiệp VBP số tiền 1.587.000 đồng (*Một triệu năm trăm tám mươi bảy nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003441 ngày 12/01/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

2.2. Công ty TNHH nội thất T Th phải chịu số tiền 3.175.210 đồng (*Ba triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn hai trăm mười đồng*) án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nếu vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 1, Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 17- Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu VT, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thành Hiệp